TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 02 – 2023
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L - TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Thới Phần.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Thật.

2. Ông Trương Văn Chung.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Phụng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Xuyến, kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023 tại điểm cầu trung tâm Phòng xét xử - Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang và điểm cầu thành phần tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai – trực tuyến vụ án thụ lý số: 288/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022, về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trầm Thị Th, sinh năm: 1995 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Cây C, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Thanh Nh, sinh năm: 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trầm Thị Th (gọi tắt là chị Th) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trầm Thanh Th và anh Huỳnh Thanh Nh tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Uỷ ban nhân xã Đ, huyện Tr, tỉnh Trà Vinh. Hôn nhân do anh chị cùng tự nguyện. Nguyên nhân mâu thuẫn: Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung hạnh phúc sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi trong vấn đề tiền bạc của vợ chồng nên cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau, mặc dù vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả nên anh chị đã không còn sống chung với nhau khoảng 01 năm nay. Vì vậy, chị Tha cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Nh.

Về con chung: Chị Th khai trong quá trình sống chung anh chị có 02 con chung là cháu Huỳnh Nhật Ph (giới tính: nam), sinh ngày 31/12/2012 và cháu Huỳnh Ngọc L (giới tính: nữ), sinh ngày 18/7/2019, hiện con đang sống với chị Th. Khi ly hôn chị Th yêu cầu được nuôi các con, không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị Th khai có tài sản chung nhưng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Th khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị Th không có yêu cầu gì thêm. Tại phiên tòa chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Huỳnh Thanh Nh (gọi tắt là anh Nh) trình bày:

Anh Nh thống nhất với lời trình bày của chị Th về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như chị Th trình bày là đúng. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn anh Nh cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì, do chị Th tự ý bỏ nhà đi sau đó thì nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh Nh. Mặc dù anh Nh có nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả, dẫn đến mẫu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt nên anh chị không thể cuộc sống chung với nhau được nữa. Nay chị Th yêu cầu được ly hôn thì anh Nh cũng đồng ý.

Về con chung: Khi ly hôn anh yêu cầu được 01 con chung, anh Nh không yêu cầu chị Th cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Nh cũng thống nhất giao 02 con chung cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nh yêu cầu được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Các vấn đề còn lại anh Nh vẫn giữ nguyên lời trình bày, không yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Th và anh Nh.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Th và anh Nh. Cho chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Về cấp dưỡng: Chị Th không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho Nh theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th và anh Nh không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn chị Trầm Thị Th khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung đối với bị đơn anh Huỳnh Thanh Nh. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con" .

Bị đơn anh Huỳnh Thanh Nh có địa chỉ cư trú tại ấp 1, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Th và ý kiến của anh Nh, hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Vào 2012 chị Th và anh Nh tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Tr, tỉnh Trà Vinh nên hôn nhân của anh chị là phù hợp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Trong quá trình sống chung, chị Th cho rằng cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi trong vấn đề tiền bạc của vợ chồng nên cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tin tưởng lẫn lẫn nhau, mặc dù vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả nên anh chị đã không còn sống chung với nhau khoảng 01 năm nay. Anh Nh thừa nhận trong thời gian sống chung vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh chị cũng có nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả, mẫu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt nên anh chị không thể cuộc sống chung. Chính vì vậy, chị Th yêu cầu được ly hôn thì anh Nh cũng đồng ý. Điều đó cho thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh chị không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng thật

sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên anh chị không thể tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng. Tại phiên toà, chị Th và anh Nh cùng thống nhất thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trầm Thị Th và anh Huỳnh Thanh Nh.

[2.2]. Về con chung: Chị Th và anh Nh cùng thống nhất có 02 con chung, tên Huỳnh Nhật Ph (giới tính: nam), sinh ngày 31/12/2012 và cháu Huỳnh Nhật L (giới tính: nữ), sinh ngày 18/7/2019, hiện con đang sống với chị Th. Tại phiên tòa chị Th và anh Nh thống nhất giao 02 con chung cho chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy trong thời gian anh chị ly thân các con sống chung với chị Th. Hiện nay, cháu Huỳnh Ngọc L chưa tròn 36 tháng tuổi, cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con."*. Đối với cháu Huỳnh Nhật Ph đã hơn 07 tuổi, tại bản tự khai cháu Phi cũng có nguyện vọng được sống chung với chị Th. Do đó, thỏa thuận của anh chị là phù hợp với quy định của pháp luật và nguyên vọng của con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị Th và anh Nh. Anh Nh có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Chị Trầm Thị Th không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.4]. Về tài sản chung: Chị Th và anh Nh khai có tài sản chung nhưng tự thoả thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.5]. Về nợ chung: Chị Th và anh Nh khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị Th phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 55; Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Trầm Thị Th và anh Huỳnh Thanh Nh.

2. Về con chung: Ghi nhân sự thỏa thuận giữa chị Trầm Thị Th và anh Huỳnh Thanh Nh, giao cháu Huỳnh Nhật Ph (giới tính: nam), sinh ngày 31/12/2012 và cháu Huỳnh Nhật L (giới tính: nữ), sinh ngày 18/7/2019 cho chị Trầm Thị Th được tiếp tục nuôi dưỡng, hiện nay cháu các con đang sống chung với chị Th. Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Huỳnh Thanh Nh không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị Th không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Th và anh Nh khai có tài sản chung nhưng tự thoả thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Th và anh Nh khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trầm Thị Th phải nộp án phí với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0006656 phiếu lập ngày 14/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hậu Giang.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bán án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. L;
- THADS H. L;
- UBND xã Đ, H. D, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Ngọc Thới Phần